

**PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2012/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 7 năm 2012

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu và triển khai  
có sử dụng ngân sách nhà nước địa phương****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN ngày 04 tháng 10 năm 2007 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chế độ khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2011/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định ban hành theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11 tháng 5 năm 2007 và Quyết định số 11/2007/QĐ-BKHCN ngày 04 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy định tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 11/2007/QĐ-BKHCN ngày 04 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy định về việc tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 535/TTr-SKH-CN ngày 19 tháng 6 năm 2012 về việc phê duyệt Quyết định ban hành Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu và triển khai có sử dụng ngân sách nhà nước địa phương,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu và triển khai có sử dụng ngân sách nhà nước địa phương.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau mười ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 598/2009/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu và triển khai có sử dụng ngân sách nhà nước địa phương.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Cao**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Quản lý hoạt động nghiên cứu và triển khai có sử dụng ngân sách nhà nước địa phương**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định về quản lý hoạt động nghiên cứu và triển khai dưới hình thức các đề tài hoặc dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước địa phương (sau đây gọi tắt là đề tài, dự án) bao gồm: việc đề xuất các đề tài, dự án; về tuyển chọn, xét chọn và tham gia tuyển chọn, xét chọn của các tổ chức, cá nhân chủ trì các đề tài, dự án; về chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài, dự án; về phổ biến và sử dụng kết quả các đề tài, dự án và về quản lý các đề tài, dự án.

2. Các đề tài, dự án, được điều chỉnh bởi Quy chế này bao gồm: các đề tài, dự án cấp tỉnh; các đề tài, dự án cấp cơ sở và các đề án, dự án khác có sử dụng ngân sách nhà nước địa phương.

a) Đề tài, dự án cấp tỉnh là các đề tài, dự án do Ủy ban Nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là UBND tỉnh) quyết định, sử dụng ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ được Hội đồng Nhân dân tỉnh phân bổ qua Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Đề tài, dự án cấp cơ sở là đề tài, dự án do các sở, ban, ngành, đơn vị hoặc Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) quyết định, sử dụng ngân sách tỉnh phân bổ cho sở, ban, ngành, đơn vị hoặc UBND cấp huyện.

c) Các đề tài, dự án khác thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này là các đề tài, dự án cấp nhà nước ủy quyền cho địa phương quản lý, các đề tài, dự án cấp nhà nước có sử dụng kinh phí đối ứng từ ngân sách nhà nước địa phương.

3. Các đề tài, dự án sử dụng nguồn kinh phí tự có của các tổ chức và cá nhân và các nguồn tài trợ khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các đối tượng áp dụng của Quy chế này bao gồm:

1. Các cơ quan nhà nước các cấp, các tổ chức khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức kinh tế của trung ương và địa phương;
2. Các đoàn thể chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp.
3. Các cá nhân là người Việt Nam.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Các thuật ngữ sử dụng trong Quy chế này được hiểu theo nghĩa sau đây:

1. *Hoạt động nghiên cứu và triển khai* là các hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu công nghệ, triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm được thực hiện dưới hình thức các đề tài, dự án riêng rẽ hay các chương trình gồm nhiều đề tài, dự án bao gồm nhiều nội dung hoạt động nghiên cứu và triển khai.

2. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ* là những vấn đề bức thiết có nguồn gốc từ thực tế sản xuất, đời sống kinh tế và xã hội cần được giải quyết dưới hình thức các đề tài, dự án.

3. *Đề tài nghiên cứu khoa học* (sau đây gọi là đề tài) là một nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiên cứu các hiện tượng, sự vật của tự nhiên, xã hội hoặc con người nhằm tìm ra các bản chất, quy luật, nguyên lý, giải pháp, bí quyết, sáng chế...

Các đề tài được phân thành đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc đề tài tổng hợp thực hiện cả ba nội dung nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm.

4. *Dự án sản xuất thử nghiệm* (sau đây gọi là dự án) là nhiệm vụ khoa học và công nghệ ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi áp dụng vào sản xuất và đời sống ở quy mô lớn.

5. *Dự án khoa học và công nghệ* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề cấp thiết của doanh nghiệp, địa phương (cải tiến thiết bị, hoàn thiện quy trình, ứng dụng công nghệ mới, tạo sản phẩm mới); có tác động nâng cao trình độ công nghệ của doanh nghiệp và có ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

6. *Dự án nông thôn và miền núi* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt mục tiêu ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp hoặc đời sống ở khu vực nông thôn, miền núi dưới dạng các mô hình có thể phổ biến và nhân rộng, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn, miền núi.

7. *Đơn vị chủ trì đề tài, dự án* là tổ chức có tư cách pháp nhân, có đủ năng lực tổ chức liên kết, phối hợp với các tổ chức, cá nhân khác để thực hiện thành công đề tài, dự án, được cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án giao nhiệm vụ và kinh phí để thực hiện đề tài, dự án.

8. *Chủ nhiệm đề tài, dự án* là cá nhân có trình độ khoa học và năng lực tổ chức, là cán bộ của đơn vị chủ trì có năng lực tổ chức, điều hành các hoạt động nhằm đạt được các mục tiêu đề ra của đề tài, dự án.

9. *Cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án* là Sở Khoa học và Công nghệ đối với các đề tài, dự án cấp tỉnh; các Sở, Ban, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện - người quyết định và cấp kinh phí thực hiện đề tài, dự án cấp cơ sở.

### **Điều 4. Nguyên tắc lựa chọn đề tài, dự án**

1. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của địa phương: các đề tài, dự án sử dụng ngân sách địa phương phải xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của địa phương, từ các vấn

đề cơ bản và cấp thiết về khoa học và công nghệ, kinh tế và xã hội, an ninh và quốc phòng của địa phương. Các đề tài, dự án được ưu tiên lựa chọn:

- Đề tài, dự án có kết quả sản phẩm cụ thể làm luận cứ khoa học cho việc hoạch định chủ trương, chính sách của tỉnh; phục vụ thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực, có khả năng ứng dụng vào sản xuất và phục vụ công tác quản lý nhà nước; đề tài, dự án thuộc lĩnh vực sở hữu trí tuệ, tiết kiệm năng lượng; công nghệ vật liệu mới; công nghệ thông tin; công nghệ sinh học; ứng dụng công nghệ cao trong y dược; công nghệ bảo tồn di sản; sản phẩm đề tài, dự án phục vụ xây dựng hệ thống sản phẩm mang thương hiệu Huế.

- Các đề tài, dự án do UBND tỉnh đặt hàng trực tiếp được lập thành danh mục ưu tiên đưa vào kế hoạch.

- Hỗ trợ ứng dụng, triển khai nhân rộng sản phẩm, kết quả các đề tài, dự án được Hội đồng Khoa học và Công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị cho áp dụng vào thực tế.

2. Đảm bảo được tính mới, tính khoa học: các đề tài, dự án phải có giá trị khoa học và công nghệ, có tính mới, tính sáng tạo; kết quả của các đề tài, dự án phải có tác động thúc đẩy khoa học và công nghệ của địa phương phát triển.

3. Đảm bảo hợp lý về thời gian thực hiện của các đề tài, dự án: thời gian thực hiện đề tài, dự án từ 06 tháng đến 24 tháng. Trong những trường hợp đặc biệt sẽ do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án quyết định.

4. Đề tài, dự án có cùng nội dung nghiên cứu, triển khai không được đăng ký thực hiện ở nhiều nơi trên địa bàn tỉnh để nhận thêm kinh phí thực hiện.

5. Hoạt động nghiên cứu và triển khai của tỉnh ưu tiên cho việc ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, thích hợp với địa phương, có khả năng ứng dụng vào thực tiễn và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội.

**Điều 5. Tính công khai và tính sử dụng chung của thông tin có được từ các đề tài, dự án:**

1. Kết quả của các đề tài, dự án nói chung và các thông tin thu được từ các đề tài, dự án nói riêng là tài sản chung của xã hội, được công bố công khai bằng các hình thức khác nhau, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng; các kết quả của các đề tài, dự án thuộc phạm vi bảo mật quốc gia được lưu trữ, quản lý và sử dụng theo chế độ bảo mật của nhà nước.

2. Mọi cá nhân, tổ chức đều có quyền sử dụng kết quả các đề tài, dự án cho các mục đích phi lợi nhuận.

3. Việc sử dụng kết quả của các đề tài, dự án cho mục đích kinh doanh, sản xuất được thực hiện theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

**Điều 6. Đề xuất, chủ trì và tham gia thực hiện các đề tài, dự án**

1. Mọi tổ chức và cá nhân đều có quyền đề xuất các đề tài, dự án. Các cơ quan nhà nước, các tổ chức khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức kinh tế của trung ương và địa phương, các đoàn thể chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp và các cá nhân thuộc các tổ chức này có trách nhiệm đề xuất các đề tài, dự án.

2. Các Sở, Ban, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh hàng năm phải nghiên cứu đăng ký, đề xuất, đặt hàng ít nhất 01 đề tài, dự án nhằm giải quyết các vấn đề cấp thiết còn tồn đọng trong ngành, lĩnh vực của mình (việc đăng ký không đồng nghĩa với việc được xét chọn thực hiện).

3. Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp danh mục các đề tài, dự án được lãnh đạo tỉnh chỉ đạo nghiên cứu (tại các cuộc họp hoặc các văn bản chỉ đạo điều hành) để tham mưu UBND tỉnh đưa vào danh mục đề tài, dự án đặt hàng trực tiếp của UBND tỉnh.

4. Các tổ chức, cá nhân gửi đề xuất đề tài/dự án về Sở Khoa học và Công nghệ và UBND tỉnh vào bất cứ thời điểm nào phát sinh nhu cầu cần thực hiện đề tài, dự án.

5. Tất cả các tổ chức được quy định ở khoản 1 của Điều này, có hoặc không có cơ sở trên địa bàn tỉnh có quyền tham gia tuyển chọn tổ chức chủ trì thực hiện và tham gia phối hợp thực hiện các đề tài, dự án.

6. Các cá nhân có năng lực chuyên môn và quản lý, được tổ chức chủ trì tín nhiệm, đều có quyền đăng ký tuyển chọn cá nhân chủ nhiệm các đề tài, dự án.

### **Điều 7. Quản lý hoạt động nghiên cứu và triển khai**

1. Ủy ban Nhân dân tỉnh thống nhất quản lý hoạt động nghiên cứu và triển khai và ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động nghiên cứu và triển khai trên địa bàn tỉnh.

2. Nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động nghiên cứu và triển khai là xác định định hướng, xây dựng kế hoạch và đảm bảo nguồn tài chính cho hoạt động nghiên cứu và triển khai; xác định danh mục các đề tài, dự án sẽ được cấp kinh phí thực hiện trong kế hoạch năm; tuyển chọn, xét duyệt các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các đề tài, dự án; thẩm định, phê duyệt nội dung và dự toán kinh phí; giao nhiệm vụ và kinh phí thực hiện đề tài, dự án; kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện; nghiệm thu, đăng ký, lưu giữ và phổ biến, chuyển giao kết quả của các đề tài, dự án.

3. Các tổ chức chủ trì đề tài, dự án có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện đầy đủ các điều cam kết trong hợp đồng đã được ký với cơ quan giao nhiệm vụ; hỗ trợ chủ nhiệm đề tài, dự án trong việc điều phối kế hoạch, tiến độ triển khai thực hiện các nội dung và nghiệp vụ quản lý kinh phí theo quy định hiện hành; đảm bảo điều kiện về cơ sở hạ tầng, nhân lực, kinh phí để chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện và quản lý đề tài, dự án đúng hợp đồng và thực hiện quyết toán kinh phí theo quy định; chịu trách nhiệm hướng dẫn, phổ biến triển khai áp dụng rộng rãi kết quả của các đề tài, dự án đã được nghiệm thu (nếu được cơ quan có thẩm quyền thống nhất cho phép triển khai áp dụng rộng rãi).

4. Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng cơ sở dữ liệu danh mục đề tài, dự án:

- a) Danh mục đề tài, dự án đăng ký;
- b) Danh mục đề tài, dự án lựa chọn;
- c) Danh mục đề tài, dự án nghiệm thu;
- d) Danh mục đề tài, dự án có kết quả được triển khai áp dụng, nhân rộng.

## Chương II

### CÁC HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**Điều 8. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các Hội đồng Khoa học và Công nghệ tư vấn xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét duyệt, thẩm định, nghiệm thu (gọi tắt là Hội đồng KHCN)**

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án có quyền thành lập các Hội đồng KHCN hoặc mời chuyên gia để tư vấn cho mình trong:

a) Xác định danh mục các đề tài, dự án sẽ được thực hiện trong kế hoạch năm tiếp theo hoặc bổ sung 6 tháng cuối năm để trình duyệt;

b) Đánh giá thuyết minh đề tài, dự án để tuyển chọn, xét duyệt tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài, dự án;

c) Thẩm định nội dung và dự toán của đề tài, dự án làm cơ sở để phê duyệt nội dung và dự toán của đề tài, dự án và ký hợp đồng khoa học và công nghệ với tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài, dự án;

d) Thẩm định và đánh giá kết quả đề tài, dự án làm cơ sở để nghiệm thu hoặc chấm dứt thực hiện các đề tài, dự án.

đ) Đánh giá khả năng và phương thức triển khai áp dụng rộng rãi, sản xuất thành hàng hóa; đề xuất đưa vào danh mục đề tài, dự án được cấp kinh phí triển khai áp dụng, nhân rộng mô hình trong kế hoạch năm của tỉnh.

2. Các Hội đồng KHCN và các chuyên gia tư vấn có nhiệm vụ tư vấn, đóng góp ý kiến, phản biện, thẩm định, đánh giá các đề xuất về các đề tài, dự án, các hồ sơ tuyển chọn, xét duyệt tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài, dự án, nội dung và dự toán của đề tài, dự án và kết quả của các đề tài, dự án, giúp thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án ra các quyết định liên quan một cách phù hợp.

3. Các thành viên của Hội đồng KHCN và các chuyên gia tư vấn có quyền phát biểu ý kiến nhận xét, phản biện, đánh giá các đề tài, dự án một cách độc lập, đảm bảo tính trung thực, khách quan khoa học, không phụ thuộc vào quan điểm, ý kiến của bất cứ tổ chức và cá nhân nào.

4. Các thành viên của Hội đồng KHCN và các chuyên gia tư vấn được cung cấp các thông tin liên quan đầy đủ và kịp thời để thực hiện nhiệm vụ tư vấn của mình.

5. Các thành viên của Hội đồng KHCN và các chuyên gia tư vấn hoàn toàn chịu trách nhiệm về các ý kiến tư vấn của mình và giữ bí mật thông tin về đề tài, dự án khi chưa được phép công bố.

6. Các thành viên của Hội đồng KHCN và các chuyên gia tư vấn được hưởng thù lao theo chế độ hiện hành.

### **Điều 9. Phương thức hoạt động của các Hội đồng KHCN**

1. Các Hội đồng KHCN hoạt động theo nguyên tắc khách quan, dân chủ. Mọi thành viên Hội đồng đều có quyền ngang nhau trong phát biểu ý kiến, đánh giá và chấm điểm. Các thành viên Hội đồng có ý kiến nhận xét bằng văn bản hoặc phát biểu

tại hội nghị, được ghi lại bằng biên bản cuộc học và phải chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn của mình.

2. Hội đồng KHCN làm việc theo một hoặc kết hợp của hai hoặc nhiều hình thức sau:

- a) Nghiên cứu tài liệu: hồ sơ đề tài, dự án, thuyết minh đề tài, dự án, báo cáo tổng kết và báo cáo khoa học của đề tài, dự án;
- b) Nghe trình bày tại hội nghị (Hội đồng tuyển chọn, xét duyệt, Hội đồng nghiệm thu);
- c) Đóng góp ý kiến bằng văn bản;
- d) Đóng góp ý kiến tại hội nghị;
- đ) Đặt câu hỏi chất vấn và thảo luận;
- e) Đánh giá bằng bảng điểm.

3. Ý kiến kết luận của Chủ tịch Hội đồng KHCN là tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng; điểm đánh giá của Hội đồng là điểm trung bình của các thành viên Hội đồng.

4. Kỳ họp của Hội đồng KHCN phải có ít nhất hai phần ba số thành viên tham dự, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Phó Chủ tịch Hội đồng thay thế chủ trì phiên họp của Hội đồng.

#### **Điều 10. Tiêu chuẩn, cơ cấu và thành phần Hội đồng KHCN**

1. Thành viên của Hội đồng KHCN và các chuyên gia tư vấn là các nhà khoa học và các nhà quản lý.

a) Các nhà khoa học được mời tham gia các Hội đồng KHCN hoặc làm chuyên gia tư vấn là những người có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực khoa học và công nghệ được mời tư vấn, có ý thức trách nhiệm về nhiệm vụ tư vấn và tự chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn của mình.

b) Các nhà quản lý đại diện cho địa phương nơi triển khai thực hiện đề tài, dự án hoặc đại diện cho ngành, lĩnh vực liên quan đến đề tài, dự án được mời tham gia các Hội đồng KHCN hoặc làm chuyên gia tư vấn là những người có trình độ quản lý, có hiểu biết về địa phương hoặc lĩnh vực liên quan đến ngành quản lý, có ý thức trách nhiệm về nhiệm vụ tư vấn và tự chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn của mình.

2. Căn cứ tính chất và nhiệm vụ cụ thể của các Hội đồng KHCN, thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án quyết định số lượng và cơ cấu các Hội đồng KHCN.

3. Các Hội đồng KHCN có Chủ tịch, 02 ủy viên phản biện, thư ký khoa học và các thành viên khác. Trong trường hợp cần thiết, có thể có Phó Chủ tịch Hội đồng. Thư ký khoa học của các Hội đồng KHCN là người của cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án. Các thành viên gồm:

- a) Đối với Hội đồng xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ
  - 1/2 là đại diện cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, tổ chức sản xuất - kinh doanh sử dụng kết quả khoa học và công nghệ, các tổ chức khác có liên quan;

- 1/2 là nhà khoa học và công nghệ hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ có liên quan.

b) Đối với các Hội đồng tuyển chọn, xét duyệt và đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

- 1/3 là đại diện cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, tổ chức sản xuất - kinh doanh sử dụng kết quả khoa học và công nghệ, các tổ chức khác có liên quan;

- 2/3 là nhà khoa học và công nghệ hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ có liên quan.

Thành viên Hội đồng quy định tại điểm a, điểm b nêu trên là các chuyên gia có uy tín, khách quan, có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu về lĩnh vực khoa học và công nghệ mà Hội đồng được giao tư vấn trong tuyển chọn, xét duyệt và đánh giá nghiệm thu.

4. Cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án có trách nhiệm cử thư ký hành chính giúp việc cho Hội đồng KHCN. Thư ký hành chính không phải là thành viên chính thức của Hội đồng KHCN và không tham gia các công việc chuyên môn của Hội đồng.

### **Chương III**

## **TUYỂN CHỌN, XÉT DUYỆT TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ CÁC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**

### **Điều 11. Xác định danh mục đề tài, dự án**

1. Đối với đề tài, dự án cấp tỉnh

a) Bước 1: Định kỳ vào tháng 5 hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp danh mục các đề tài, dự án đã được đặt hàng hoặc đăng ký để tổ chức thảo luận trực tiếp với các Sở, ngành liên quan về danh mục các đề tài, dự án dự kiến (sự cần thiết, mục tiêu, nội dung nghiên cứu, quy mô đầu tư, sản phẩm dự kiến, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, khả năng áp dụng rộng rãi...);

b) Bước 2: Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lấy ý kiến tư vấn của các Hội đồng KHCN chuyên ngành và Hội đồng KHCN tỉnh;

c) Bước 3: Sở Khoa học và Công nghệ trình danh mục các đề tài, dự án đã được các sở, ngành và các hội đồng lựa chọn lên Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh thông qua trong tháng 7 hàng năm.

2. Đối với đề tài, dự án cấp cơ sở đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh: Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án cấp cơ sở xem xét đề xuất danh mục đề tài, dự án theo các bước tại khoản 1 của Điều này.

3. Các đề tài, dự án phát sinh cần thực hiện nhằm giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ xuất hiện trong sản xuất và đời sống xã hội có tính cấp thiết tại địa phương, Sở Khoa học và Công nghệ thống nhất với cơ quan chuyên môn về lĩnh vực của đề tài dự án đó để báo cáo xin ý kiến chấp thuận của UBND tỉnh. Sau khi được UBND tỉnh chấp thuận, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức đặt hàng trực tiếp cho nhà khoa học hoặc tổ chức tuyển chọn đơn vị chủ trì, cá nhân chủ nhiệm và cấp kinh phí thực hiện. Tổng kinh phí của các đề tài, dự án phát sinh ngoài kế hoạch không vượt quá 30% tổng kinh phí được duyệt cho nghiên cứu - thử nghiệm hàng năm.

**Điều 12. Thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các đề tài, dự án**

1. Danh mục đề tài, dự án cấp tỉnh được UBND tỉnh quyết định thực hiện theo phương thức tuyển chọn sẽ được thông báo rộng rãi trên Báo Khoa học và Phát triển của Bộ Khoa học và Công nghệ, Báo Thừa Thiên Huế, trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

Sở Khoa học và Công nghệ gửi công văn mời tham gia tuyển chọn cho các tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân các nhà khoa học có đủ điều kiện.

2. Quyết định của UBND tỉnh về việc giao trực tiếp đề tài, dự án cấp tỉnh cho cơ quan, tổ chức nào thì có thông báo được gửi thẳng đến cơ quan, tổ chức đó.

3. Việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì các đề tài, dự án cấp cơ sở là không bắt buộc. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý các đề tài, dự án cấp cơ sở có thể chỉ định tổ chức, cá nhân trực thuộc cơ quan hoặc mời tổ chức, cá nhân bên ngoài có khả năng, trình độ phù hợp với đề tài, dự án chủ trì thực hiện.

**Điều 13. Điều kiện tham gia tuyển chọn**

1. Tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn chủ trì đề tài, dự án phải có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực của đề tài, dự án, đảm bảo năng lực chuyên môn và có điều kiện huy động cơ sở vật chất - kỹ thuật để thực hiện thành công đề tài, dự án, có khả năng quản lý quá trình thực hiện đề tài, dự án.

2. Tính đến ngày thực hiện đề tài, dự án mới, các tổ chức, cá nhân chậm hoàn thành đề tài, dự án cũ theo thời gian ghi trong hợp đồng khoa học và công nghệ, hoặc chậm nộp các sản phẩm của các đề tài, dự án cũ, chậm thanh lý hợp đồng khoa học và công nghệ cũ, hoặc chậm hoàn trả kinh phí thu hồi (nếu có) thì không được tham gia tuyển chọn làm tổ chức chủ trì đề tài, dự án mới.

3. Cá nhân đăng ký tuyển chọn chủ nhiệm đề tài, dự án phải có trình độ đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp và có ít nhất 3 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực liên quan với đề tài, dự án; là người của tổ chức chủ trì đề tài, dự án, có năng lực tổ chức thực hiện và điều hành đề tài, dự án. Chủ nhiệm đề tài, dự án bị trễ hạn quá 12 tháng chưa nghiệm thu, chưa quyết toán (không chứng minh được lý do chính đáng), hoặc không hoàn thành khối lượng công việc sẽ không được đăng ký thực hiện và tham gia tuyển chọn đề tài, dự án trong 3 năm tiếp theo tính từ thời điểm nghiệm thu hoặc thanh lý và quyết toán kinh phí.

4. Mỗi cá nhân không đồng thời làm chủ nhiệm từ 2 đề tài, dự án cùng cấp trở lên.

**Điều 14. Hồ sơ đăng ký tuyển chọn**

1. Tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn gửi hồ sơ đăng ký tuyển chọn gồm 01 bản gốc và 09 bản sao chụp (bản photocopy) đến Sở Khoa học và Công nghệ theo đường bưu điện hoặc trực tiếp qua văn thư của Sở Khoa học và Công nghệ trong thời hạn quy định. Được đóng gói trong túi hồ sơ có niêm phong bên ngoài ghi rõ tên đề tài, dự án đăng ký tham gia tuyển chọn.

2. Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, gồm những văn bản sau:

a) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án của tổ chức, cá nhân có chữ ký của thủ trưởng tổ chức và dấu của tổ chức đăng ký tuyển chọn theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quy chế này;

b) Thuyết minh đề tài, dự án theo mẫu quy định tại Phụ lục 2, 3, 4, 5, 6 kèm theo Quy chế này (Thuyết minh đề tài KHCVN theo Phụ lục 2, thuyết minh đề tài KHXXH&NV theo Phụ lục 3, thuyết minh dự án SXTN theo Phụ lục 4, thuyết minh dự án KHCVN theo Phụ lục 5, thuyết minh dự án NTMN theo Phụ lục 6);

c) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký tuyển chọn theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 kèm theo Quy chế này;

d) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký tuyển chọn theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 kèm theo Quy chế này;

đ) Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện đề tài, dự án (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục 9 kèm theo Quy chế này;

e) Các văn bản khác, nếu tổ chức đăng ký tuyển chọn đề tài, dự án thấy cần thiết.

3. Hồ sơ đăng ký tuyển chọn phải được niêm phong và gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ đúng thời hạn (tính theo dấu bưu điện, nếu gửi qua bưu điện hoặc dấu công văn đến của Sở Khoa học và Công nghệ, nếu gửi trực tiếp). Trong khi chưa hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tuyển chọn, tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn có quyền rút hồ sơ đã nộp để thay bằng hồ sơ mới, bổ sung hoặc sửa đổi hồ sơ đã nộp và nộp lại trong thời hạn đã quy định.

### **Điều 15. Mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn**

1. Sau 10 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tuyển chọn, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn. Việc mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn được thực hiện một cách công khai, có sự chứng kiến của đại diện các tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức việc mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn. Quá trình mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn được ghi biên bản có chữ ký của đại diện các thành phần tham dự.

3. Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn cho tất cả các tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đăng ký tuyển chọn trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày mở hồ sơ và thông báo thời gian tổ chức đánh giá hồ sơ tuyển chọn tổ chức chủ trì đề tài, dự án cho các tổ chức, cá nhân có hồ sơ tuyển chọn đúng quy định.

### **Điều 16. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án**

1. Trách nhiệm đánh giá hồ sơ tuyển chọn

a) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc đánh giá hồ sơ tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì các đề tài, dự án cấp tỉnh thông qua các Hội đồng KHCVN.

b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý các đề tài, dự án cấp cơ sở thực hiện việc đánh giá hồ sơ tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì các đề tài, dự án cấp cơ sở thông qua các Hội đồng KHCVN.

2. Hội đồng KHCN tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án đánh giá các hồ sơ đăng ký tuyển chọn chủ trì đề tài, dự án bằng các hình thức quy định ở Điều 8 của Quy chế này.

3. Việc tuyển chọn hồ sơ đăng ký tuyển chọn theo bảng chấm điểm của các thành viên Hội đồng được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Theo thứ tự từ cao xuống thấp của điểm trung bình của Hội đồng KHCN;

b) Trong trường hợp điểm trung bình của 02 hồ sơ bằng nhau, Hội đồng KHCN chuyển kết quả tư vấn của Hội đồng cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định.

c) Nếu thành viên Hội đồng nào cho điểm đánh giá chênh lệch từ 20% trở lên so với điểm đánh giá trung bình của số thành viên Hội đồng còn lại thì điểm đánh giá của thành viên Hội đồng đó sẽ không được chấp nhận và loại bỏ. Kết quả đánh giá hồ sơ tuyển chọn chỉ dựa trên kết quả cho điểm của các thành viên còn lại của Hội đồng.

4. Việc đánh giá tuyển chọn của Hội đồng KHCN không phụ thuộc vào việc có 01 hay nhiều hồ sơ đăng ký tuyển chọn. Việc trúng tuyển của tổ chức đăng ký tuyển chọn duy nhất không được xem là đương nhiên.

5. Dựa vào văn bản nhận xét, ý kiến phát biểu tại hội nghị và bảng chấm điểm của các thành viên Hội đồng KHCN, thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án quyết định tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án.

6. Nếu sau 01 lần tổ chức Hội đồng KHCN tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án không chọn lựa được tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án, nhưng vì tính cấp thiết của đề tài, dự án, Sở Khoa học và Công nghệ có thể tổ chức tuyển chọn lại tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án. Những tác giả đã bảo vệ thuyết minh đề tài, dự án không đạt không được tham gia lần tuyển chọn lại.

#### **Điều 17. Xét duyệt tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án**

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý các đề tài, dự án thực hiện việc đánh giá năng lực chuyên môn và khả năng chủ trì các đề tài, dự án thông qua các Hội đồng KHCN.

2. Hội đồng KHCN xét duyệt tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án được giao trực tiếp bằng các hình thức quy định ở Điều 8 của Quy chế này.

3. Dựa vào văn bản nhận xét, ý kiến phát biểu tại hội nghị và bảng chấm điểm của các thành viên Hội đồng KHCN xét duyệt tổ chức, cá nhân được giao trực tiếp chủ trì đề tài, dự án, thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án quyết định tổ chức, cá nhân được giao trực tiếp chủ trì đề tài, dự án đủ hay không đủ điều kiện chủ trì đề tài, dự án được giao.

#### **Điều 18. Thông báo kết quả tuyển chọn, xét duyệt**

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án có trách nhiệm thông báo kết quả tuyển chọn, xét duyệt trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức Hội đồng KHCN tuyển chọn, xét duyệt tổ chức cá nhân chủ trì đề tài, dự án trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế và thông báo bằng công văn cho các tổ chức, cá nhân trúng tuyển hoặc đủ điều kiện chủ trì đề tài, dự án.

2. Kèm theo thông báo kết quả tuyển chọn, xét duyệt là yêu cầu của Hội đồng KHCN và cơ quan quản lý về việc chỉnh sửa, bổ sung thuyết minh đề tài, dự án (nếu có). Tổ chức, cá nhân trúng tuyển có trách nhiệm nộp lại thuyết minh đề tài, dự án đã được bổ sung, chỉnh sửa (nếu có) trong vòng 15 ngày kể từ ngày được thông báo. Quá thời hạn trên, xem như tổ chức chủ trì từ chối không thực hiện đề tài, dự án đã được tuyển chọn, xét duyệt.

### **Điều 19. Thẩm định nội dung và dự toán kinh phí đề tài, dự án**

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm định nội dung và dự toán kinh phí của đề tài, dự án thông qua tổ thẩm định nội dung và dự toán.

2. Tổ thẩm định nội dung và dự toán đề tài, dự án

a) Tổ thẩm định nội dung và dự toán đề tài, dự án bao gồm các chuyên gia tư vấn chuyên môn có chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực của đề tài, dự án và các chuyên gia tài chính chuyên ngành khoa học và công nghệ hoặc chuyên gia tài chính chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực của đề tài, dự án.

b) Nhiệm vụ của các chuyên gia thẩm định chuyên môn là xác định khối lượng chi tiết của nội dung công việc của đề tài, dự án để cung cấp cơ sở tính toán cho các chuyên gia tài chính thẩm định dự toán.

c) Nhiệm vụ của các chuyên gia thẩm định dự toán là thẩm định dự toán của các đề tài, dự án để tư vấn về tổng nhu cầu kinh phí cần thiết cho việc thực hiện đề tài, dự án phù hợp với các mục tiêu, nội dung, hoạt động của đề tài, dự án đã được Hội đồng KHCN tuyển chọn, xét duyệt thông qua; theo khối lượng chi tiết của công việc đã được các chuyên gia tư vấn chuyên môn thẩm định và theo các định mức chi đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Trường hợp các nội dung chi chưa có định mức do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì tổ tư vấn thẩm định nội dung và dự toán tư vấn cho Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án quyết định sử dụng các định mức của nội dung chi tương đương.

### **Điều 20. Hợp đồng khoa học và công nghệ**

1. Căn cứ vào kết quả tư vấn của Hội đồng KHCN tuyển chọn, xét duyệt, kết quả thẩm định của tổ thẩm định nội dung và dự toán của đề tài, dự án, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án ra quyết định phê duyệt nội dung, dự toán đề tài, dự án và ký hợp đồng khoa học và công nghệ với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án, giao nhiệm vụ và kinh phí thực hiện đề tài, dự án cho tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án.

2. Nội dung quyết định phê duyệt và hợp đồng khoa học và công nghệ

Nội dung quyết định phê duyệt đề tài, dự án bao gồm:

a) Tên đề tài, dự án;

b) Cấp quản lý;

- c) Tổ chức chủ trì thực hiện;
- d) Chủ nhiệm đề tài, dự án;
- đ) Thời gian thực hiện đề tài, dự án;
- e) Các mục tiêu của đề tài, dự án;
- g) Các nội dung, hoạt động của đề tài, dự án;
- h) Chung loại và số lượng các sản phẩm giao nộp của đề tài, dự án;
- i) Kinh phí được cấp từ ngân sách nhà nước địa phương để thực hiện đề tài, dự án.

3. Hợp đồng khoa học và công nghệ là văn bản pháp lý ràng buộc trách nhiệm và quyền lợi giữa cơ quan, tổ chức cấp kinh phí thực hiện đề tài, dự án (gọi tắt là bên A) và tổ chức chủ trì thực hiện đề tài, dự án (gọi tắt là bên B).

4. Quyền và nghĩa vụ của các bên ký hợp đồng khoa học và công nghệ được quy định ở các Điều 21 và Điều 22 của Quy chế này và tại hợp đồng được ký kết.

#### **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ QUẢN LÝ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**

#### **Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của bên A**

1. Bên A có các quyền:

- a) Sở hữu kết quả khoa học và công nghệ, nếu không có thoả thuận khác trong hợp đồng;
- b) Chuyển giao kết quả khoa học và công nghệ cho bên thứ ba;
- c) Kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện đề tài, dự án;
- d) Yêu cầu bên chủ trì thực hiện đề tài, dự án khắc phục các sai sót, tồn tại trong quá trình thực hiện hợp đồng;
- đ) Ra quyết định điều chỉnh nội dung hoặc tiến độ thực hiện đề tài, dự án;
- e) Ra quyết định đình chỉ thực hiện đề tài, dự án.

2. Bên A có các nghĩa vụ:

- a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng;
- b) Chuyển kinh phí cho bên B theo tiến độ ghi trong hợp đồng;
- c) Giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của bên B về điều chỉnh nội dung, phương án triển khai, kinh phí thực hiện và các phát sinh khác trong quá trình thực hiện đề tài, dự án.

#### **Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của bên B**

1. Bên B có các quyền:

- a) Hưởng quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án;
- b) Yêu cầu bên đặt hàng cung cấp thông tin và những điều kiện khác theo thoả thuận trong hợp đồng để thực hiện hợp đồng;
- c) Ký các hợp đồng giao việc, thuê khoán chuyên môn với các tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện đề tài, dự án;

d) Điều chỉnh dự toán kinh phí giữa các nội dung chi được giao khoán theo yêu cầu công việc trong quá trình thực hiện đề tài, dự án;

đ) Điều chỉnh dự toán kinh phí giữa các nội dung chi không được giao khoán sau khi xin ý kiến và được cơ quan trực tiếp giao đề tài, dự án chấp thuận bằng văn bản;

e) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung, phương án triển khai, kinh phí thực hiện đề tài, dự án trong quá trình thực hiện cho phù hợp với điều kiện thực tế;

g) Điều chỉnh nội dung nghiên cứu và các khoản chi sau khi được Sở Khoa học và Công nghệ chấp thuận bằng văn bản.

2. Bên B có các nghĩa vụ:

a) Quản lý và sử dụng kinh phí đúng mục đích, nội dung, dự toán đã được phê duyệt và các quy định về tài chính hiện hành; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp lệ và hợp lý của nội dung và chứng từ chi;

b) Huy động và sử dụng phần kinh phí đối ứng (nếu có) theo đúng tiến độ và tỷ lệ đã được phê duyệt;

c) Báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình triển khai đề tài, dự án;

d) Tạo điều kiện cho việc kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đề tài, dự án định kỳ hoặc đột xuất của bên A và các cơ quan có thẩm quyền khác;

đ) Giao nộp sản phẩm theo đúng quy định trong hợp đồng;

e) Không được chuyển giao kết quả khoa học và công nghệ cho bên thứ ba nếu không có sự đồng ý của bên A.

### **Điều 23. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện đề tài, dự án**

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện đề tài, dự án bằng các hình thức sau:

a) Tổ chức đoàn kiểm tra định kỳ; mỗi đề tài, dự án có ít nhất một đợt kiểm tra định kỳ;

b) Tổ chức đoàn kiểm tra đột xuất;

c) Yêu cầu tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án báo cáo đột xuất.

2. Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm:

a) Các nội dung, hoạt động của đề tài, dự án và các kết quả;

b) Tiến độ và tổ chức thực hiện đề tài, dự án;

c) Việc sử dụng kinh phí cho các nội dung, hoạt động của đề tài, dự án.

3. Tùy thuộc vào kết quả kiểm tra, giám sát, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án quyết định điều chỉnh nội dung, thời gian thực hiện đề tài, dự án hoặc chấm dứt việc thực hiện đề tài, dự án.

4. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm báo cáo tiến độ thực hiện theo định kỳ ít nhất là 6 tháng hoặc một phần ba thời gian thực hiện đề tài, dự án một lần cho cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án về:

a) Tình hình thực hiện các nội dung đề tài, dự án;

b) Tình hình sử dụng kinh phí;

c) Kế hoạch hoặc phương án triển khai giai đoạn tiếp;

d) Kiến nghị (nếu có).

Nếu không có báo cáo theo yêu cầu thì cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án có quyền đình chỉ thực hiện đề tài, dự án.

5. Biên bản kiểm tra thực hiện đề tài, dự án được lưu ở cơ quan quản lý và ở tổ chức chủ trì đề tài, dự án.

#### **Điều 24. Nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài, dự án**

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án chịu trách nhiệm tổ chức nghiệm thu các đề tài, dự án thông qua Hội đồng KH-CN cùng cấp.

2. Hội đồng KH-CN nghiệm thu các đề tài, dự án có nhiệm vụ đánh giá các kết quả của đề tài, dự án bằng các hình thức quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

3. Dựa vào văn bản nhận xét, ý kiến phát biểu tại hội nghị và bảng chấm điểm của các thành viên Hội đồng KH-CN, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án quyết định nghiệm thu hoặc không nghiệm thu các đề tài, dự án.

4. Các đề tài, dự án được Hội đồng KH-CN nghiệm thu đánh giá đạt loại xuất sắc sẽ được khen thưởng. Kinh phí khen thưởng được sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án.

5. Đề tài, dự án chậm tiến độ không quá 06 tháng vẫn được nghiệm thu, nhưng bị phạt bằng hình thức mức đánh giá của Hội đồng bị hạ một bậc.

6. Các đề tài, dự án bị Hội đồng KH-CN nghiệm thu đánh giá không đạt và các đề tài, dự án không được nghiệm thu sẽ bị phạt theo quy định hiện hành. Tiền nộp phạt sẽ hoàn trả ngân sách nhà nước địa phương theo quy định về quản lý tài chính của nhà nước.

#### **Điều 25. Những trường hợp các đề tài, dự án không được nghiệm thu**

Cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án không nghiệm thu các đề tài, dự án trong những trường hợp sau đây:

1. Có đề nghị của tổ chức chủ trì hoặc quyết định của cơ quan quản lý về việc chấm dứt thực hiện đề tài, dự án.

2. Đề tài, dự án chậm tiến độ (chậm nộp các sản phẩm của đề tài, dự án) quá 06 tháng.

#### **Điều 26. Thu hồi kinh phí đầu tư từ ngân sách**

Nếu trong hợp đồng khoa học và công nghệ có điều khoản về việc thu hồi kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước địa phương cho dự án sản xuất thử nghiệm thì tổ chức chủ trì dự án có trách nhiệm nộp lại kinh phí vào tài khoản của cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án mở tại Kho bạc Nhà nước để hoàn trả ngân sách theo quy định về quản lý tài chính của nhà nước.

#### **Điều 27. Quyết toán, thanh lý hợp đồng khoa học và công nghệ**

1. Cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án chịu trách nhiệm tổ chức việc quyết toán, thanh lý hợp đồng khoa học và công nghệ với tổ chức chủ trì đề tài, dự án theo trình tự và yêu cầu như sau:

a) Hồ sơ quyết toán phải nộp đầy đủ, hợp lệ trước khi nghiệm thu chính thức đề tài, dự án.

b) Hội nghị nghiệm thu chính thức sẽ được tổ chức vào 2 tuần tiếp theo sau khi hết thời hạn thực hiện đề tài, dự án theo hợp đồng đã ký.

c) Nộp sản phẩm đã được hiệu chỉnh, bổ sung sau nghiệm thu: thời gian thực hiện trong vòng 15 ngày kể từ ngày tổ chức hội nghị nghiệm thu chính thức đề tài, dự án.

d) Quyết toán và thanh lý hợp đồng: trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày sản phẩm của đề tài, dự án đã hiệu chỉnh, bổ sung được giao nộp đầy đủ.

2. Các đề tài, dự án quyết toán các khoản chi theo nguyên tắc:

a) Các nội dung chi thuộc loại được khoán theo Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN ngày 04 tháng 10 năm 2006 của liên Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thì quyết toán theo dự toán được duyệt.

b) Các nội dung chi thuộc loại không được khoán theo Thông tư liên tịch 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN thì quyết toán theo hoạt động đã thực hiện với những chứng từ tài chính hợp lệ theo quy định hiện hành.

3. Các đề tài, dự án bị Hội đồng KHCN nghiệm thu đánh giá không đạt hoặc không được nghiệm thu sẽ được thanh lý theo tỷ lệ khối lượng các hoạt động nghiên cứu và hỗ trợ nghiên cứu đã hoàn thành và bị phạt tiền theo Khoản 6, Điều 24 của Quy chế này.

4. Tỷ lệ khối lượng các hoạt động nghiên cứu và hỗ trợ nghiên cứu đã hoàn thành của các đề tài, dự án không được nghiệm thu được xác định thông qua sự thẩm định của tổ tư vấn thẩm định do cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án mời.

5. Tài sản được mua sắm bằng ngân sách phục vụ cho đề tài, dự án là tài sản của nhà nước; sau khi đề tài, dự án hoàn thành, nghiệm thu, tài sản này được xử lý theo quy định của nhà nước trước khi thanh lý hợp đồng.

### **Điều 28. Đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả đề tài, dự án**

1. Tổ chức chủ trì đề tài, dự án (cấp nhà nước ủy quyền địa phương quản lý, cấp tỉnh và cấp cơ sở) nộp các sản phẩm cuối cùng của đề tài, dự án cho Sở Khoa học và Công nghệ để quản lý.

2. Tổ chức chủ trì đề tài, dự án (cấp nhà nước ủy quyền địa phương quản lý, cấp tỉnh và cấp cơ sở) đăng ký lưu giữ kết quả đề tài, dự án tại Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm lưu giữ các kết quả đề tài, dự án theo quy định về lưu trữ của nhà nước.

4. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phổ biến kết quả của các đề tài, dự án bằng cách đưa tóm tắt nội dung, kết quả nghiên cứu lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử và Bản tin Khoa học và Công nghệ của Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chuyển 01 bộ kết quả đề tài, dự án cho cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực của đề tài, dự án hoặc địa phương nơi đề tài, dự án đã nghiên cứu để các đơn vị, địa phương nghiên cứu, phổ biến và đề xuất triển khai ứng dụng kết quả đề tài, dự án vào sản xuất và đời sống.

## **Chương V**

### **TRIỂN KHAI ÁP DỤNG KẾT QUẢ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**

#### **Điều 29. Sử dụng kết quả của các đề tài, dự án**

1. Cơ quan, tổ chức quản lý đề tài, dự án có trách nhiệm chuyển giao kết quả của các đề tài, dự án đã nghiệm thu cho các cơ quan, tổ chức đặt hàng hoặc cho các cơ quan, tổ chức có nhu cầu. Các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng có quy định riêng.

2. Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có trách nhiệm phổ biến kết quả các đề tài, dự án cho các tổ chức kinh tế, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, trong ngành hoặc địa phương; tổ chức triển khai ứng dụng kết quả đề tài, dự án vào sản xuất và đời sống.

3. Khi sử dụng các kết quả đề tài, dự án các tổ chức và cá nhân phải tuân thủ Luật Sở hữu trí tuệ.

#### **Điều 30. Lựa chọn đề tài, dự án hỗ trợ triển khai ứng dụng**

1. Trong kết quả nghiệm thu đề tài, dự án, cơ quan, cá nhân chủ trì thực hiện phải đề xuất phương án đưa kết quả, sản phẩm đề tài, dự án vào hoạt động quản lý, sản xuất và đời sống.

2. Trên cơ sở đề xuất của cơ quan, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án và khả năng phát huy giá trị thực tiễn của đề tài, dự án đó, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở, ngành hoặc địa phương liên quan để thống nhất, tham mưu UBND tỉnh đưa vào danh mục đề tài, dự án cần hỗ trợ kinh phí triển khai ứng dụng rộng rãi vào hoạt động quản lý, sản xuất và đời sống.

3. Việc lựa chọn, phê duyệt danh mục đề tài, dự án được hỗ trợ kinh phí triển khai ứng dụng vào sản xuất và đời sống được thực hiện chung với lựa chọn, phê duyệt danh mục đề tài, dự án nghiên cứu, thử nghiệm theo định kỳ mỗi năm 02 lần; và được xem như là một đề tài, dự án mới.

#### **Điều 31. Hỗ trợ triển khai ứng dụng kết quả các đề tài, dự án**

1. Kinh phí hỗ trợ triển khai ứng dụng lấy từ nguồn kinh phí được duyệt cho nghiên cứu - thử nghiệm hàng năm; ưu tiên hỗ trợ một phần kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ sau:

- a) Xây dựng mô hình điểm;
- b) Xây dựng quy trình công nghệ;
- c) Đào tạo và chuyển giao công nghệ;
- d) Đăng ký thương hiệu và các hệ thống quản lý chất lượng.

2. Quy trình hỗ trợ kinh phí triển khai ứng dụng kết quả các đề tài, dự án vào sản xuất và đời sống thực hiện giống như quy trình thực hiện đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm hoặc chuyển giao công nghệ.

### **Chương VI**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 32.** Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn và chủ trì tổ chức thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Cao**

**Phụ lục 1. Đơn đăng ký chủ trì đề tài, dự án**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2012 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN KHCN CẤP TỈNH**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế

Căn cứ thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ về việc tuyển chọn, xét chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án KHCN năm 200..., chúng tôi:

**a)** .....

(Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký tuyển chọn, xét chọn làm cơ quan chủ trì đề tài, dự án)

**b)** .....

(Họ và tên, học vị, chức vụ, địa chỉ cá nhân đăng ký tuyển chọn, xét chọn làm chủ nhiệm đề tài, dự án)

Xin đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án:

.....

**Thuộc lĩnh vực KH&CN:**

.....

Thuộc Chương trình KH&CN (nếu có):

.....

Mã số của Chương trình: .....

Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn chủ trì thực hiện đề tài, dự án gồm:

1. Thuyết minh đề tài KH&CN theo phụ lục 2, thuyết minh đề tài KH&NV theo phụ lục 3, thuyết minh dự án SXTN theo phụ lục 4, thuyết minh dự án KH&CN theo phụ lục 5, thuyết minh dự án NTMN theo phụ lục 6;
2. Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì đề tài, dự án theo phụ lục 7;
3. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài, dự án theo phụ lục 8;
4. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp nghiên cứu theo phụ lục 9 - nếu có phối hợp nghiên cứu;
5. Các văn bản pháp lý chứng minh khả năng huy động vốn từ nguồn khác (nếu có kê khai huy động vốn từ nguồn khác);
6. Các văn bản khác có liên quan (nếu có).

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong Hồ sơ này là đúng sự thật.

....., ngày      tháng      năm 200....

**Cá nhân đăng ký chủ nhiệm  
đề tài, dự án**  
(Họ, tên và chữ ký)

**Thủ trưởng tổ chức đăng ký chủ trì  
đề tài, dự án**  
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

**Phụ lục 2.** Thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2012 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

**THUYẾT MINH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ<sup>1</sup>**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI**

<b>1</b>	<b>Tên đề tài</b>	<b>2</b>	<b>Mã số</b> (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển)
<b>3</b>	<b>Thời gian thực hiện:</b> ..... tháng (Từ tháng /200... đến tháng /200...)	<b>4</b>	<b>Cấp quản lý</b> Nhà nước <input type="checkbox"/> Bộ <input type="checkbox"/> Tỉnh <input type="checkbox"/> Cơ sở <input type="checkbox"/>
<b>5</b>	<b>Kinh phí ..... triệu đồng, trong đó:</b>		
	<b>Nguồn</b>	<b>Tổng số</b>	
	- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học		
	- Từ nguồn tự có của tổ chức		
	- Từ nguồn khác		
<b>6</b>	<input type="checkbox"/> <b>Thuộc Chương trình</b> (Ghi rõ tên chương trình, nếu có), <b>Mã số:</b> <input type="checkbox"/> <b>Thuộc dự án KH&amp;CN;</b> <input type="checkbox"/> <b>Đề tài độc lập;</b>		
<b>7</b>	<b>Lĩnh vực khoa học</b>		
	<input type="checkbox"/> Tự nhiên;	<input type="checkbox"/> Nông, lâm, ngư nghiệp;	
	<input type="checkbox"/> Kỹ thuật và công nghệ;	<input type="checkbox"/> Y dược.	

<sup>1</sup> Bản Thuyết minh này dùng cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thuộc 4 lĩnh vực khoa học nêu tại mục 7 của Thuyết minh. Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4

<b>8</b>	<b>Chủ nhiệm đề tài</b>
Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam/ Nữ: ..... Học hàm, học vị: ..... Chức danh khoa học: ..... Chức vụ..... Điện thoại: ..... Tổ chức: ..... Nhà riêng: ..... Mobile: ..... Fax: ..... E-mail: ..... Tên tổ chức đang công tác:..... Địa chỉ tổ chức:..... ..... Địa chỉ nhà riêng: .....	
<b>9</b>	<b>Thư ký đề tài</b>
Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam/ Nữ: ..... Học hàm, học vị: ..... Chức danh khoa học: ..... Chức vụ: ..... Điện thoại: ..... Tổ chức: ..... Nhà riêng: ..... Mobile: ..... Fax: ..... E-mail: ..... Tên tổ chức đang công tác: ..... Địa chỉ tổ chức: ..... ..... Địa chỉ nhà riêng: .....	
<b>10</b>	<b>Tổ chức chủ trì đề tài</b>
Tên tổ chức chủ trì đề tài: ..... Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: ..... Website: ..... Địa chỉ: ..... Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ..... Số tài khoản: ..... Ngân hàng: ..... Tên cơ quan chủ quản đề tài: ..... .....	

<b>11</b>	<b>Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (nếu có)</b>			
<p>1. <b>Tổ chức 1</b> : .....</p> <p>Tên cơ quan chủ quản .....</p> <p>Điện thoại: ..... Fax: .....</p> <p>Địa chỉ: .....</p> <p>Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....</p> <p>Số tài khoản: .....</p> <p>Ngân hàng: .....</p> <p>2. <b>Tổ chức 2</b> : .....</p> <p>Tên cơ quan chủ quản .....</p> <p>Điện thoại: ..... Fax: .....</p> <p>Địa chỉ: .....</p> <p>Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....</p> <p>Số tài khoản: .....</p> <p>Ngân hàng: .....</p>				
<b>12</b>	<b>Các cán bộ thực hiện đề tài</b>			
<p><i>(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề tài)</i></p>				
	<b>Họ và tên, học hàm học vị</b>	<b>Tổ chức công tác</b>	<b>Nội dung công việc tham gia</b>	<b>Thời gian làm việc cho đề tài (Số tháng quy đổi<sup>2</sup>)</b>
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

<sup>2</sup> Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng

**II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KH&CN VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

<b>13</b>	<b>Mục tiêu của đề tài</b> ( <i>Bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng - nếu có</i> ) ..... ..... .....
<b>14</b>	<b>Tình trạng đề tài</b> <input type="checkbox"/> Mới <input type="checkbox"/> Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả <input type="checkbox"/> Kế tiếp nghiên cứu của người khác
<b>15</b>	<b>Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài</b> <b>15.1 Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài</b> <b>Ngoài nước</b> ( <i>Phân tích đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài; nêu được những bước tiến về trình độ KH&amp;CN của những kết quả nghiên cứu đó</i> )  <b>Trong nước</b> ( <i>Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&amp;CN liên quan đến đề tài mà các cán bộ tham gia đề tài đã thực hiện. Nếu có các đề tài cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến đề tài này; Nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên đề tài, Tên Chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài đó</i> )  <b>15.2 Luận giải về việc đặt ra mục tiêu và những nội dung cần nghiên cứu của đề tài</b> <i>(Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan, những kết quả mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, đánh giá những khác biệt về trình độ KH&amp;CN trong nước và thế giới, những vấn đề đã được giải quyết, cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế cụ thể, từ đó nêu được hướng giải quyết mới - luận giải và cụ thể hoá mục tiêu đặt ra của đề tài và những nội dung cần thực hiện trong đề tài để đạt được mục tiêu)</i>

<b>16</b>	<p><b>Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan</b></p> <p><i>(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài)</i></p> <p>.....</p>
<b>17</b>	<p><b>Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của đề tài và phương án thực hiện</b></p> <p><i>(Liệt kê và mô tả chi tiết những nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm phù hợp cần thực hiện để giải quyết vấn đề đặt ra kèm theo các nhu cầu về nhân lực, tài chính và nguyên vật liệu trong đó chỉ rõ những nội dung mới, những nội dung kế thừa kết quả nghiên cứu của các đề tài trước đó; những hoạt động để chuyển giao kết quả nghiên cứu đến người sử dụng, dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục - nếu có)</i></p> <p>Nội dung 1: .....</p> <p>.....</p> <p>Nội dung 2: .....</p> <p>.....</p> <p>Nội dung 3:.....</p> <p>.....</p>
<b>18</b>	<p><b>Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng</b></p> <p><i>(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo của đề tài)</i></p> <p><b>Cách tiếp cận:</b></p> <p>.....</p> <p><b>Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p><b>Tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo:</b></p> <p>.....</p>

<b>19</b>	<b>Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước</b> <i>(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nội dung công việc tham gia trong đề tài, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng - nếu có)</i>				
<b>20</b>	<b>Phương án hợp tác quốc tế (nếu có)</b> <i>(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác - đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)</i>				
<b>21</b>	<b>Tiến độ thực hiện</b>				
	<b>Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu</b>	<b>Kết quả phải đạt</b>	<b>Thời gian (bắt đầu, kết thúc)</b>	<b>Cá nhân, tổ chức thực hiện*</b>	<b>Dự kiến kinh phí</b>
1	2	3	4	5	6
<b>1</b>	<b>Nội dung 1</b>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
<b>2</b>	<b>Nội dung 2</b>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				

\* Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 12

### III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI

<b>22</b>	<b>Sản phẩm KH&amp;CN chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt</b> <i>(Liệt kê theo dạng sản phẩm)</i>					
<b>Dạng I:</b> Mẫu ( <i>model, maket</i> ); Sản phẩm ( <i>là hàng hoá, có thể được tiêu thụ trên thị trường</i> ); Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi và các loại khác;						
Số TT	Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng/ quy mô sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự (theo các tiêu chuẩn mới nhất)		
				Trong nước	Thế giới	
1	2	3	4	5	6	7

**22.1 Mức chất lượng các sản phẩm (Dạng I) so với các sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài** (Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng cần đạt của các sản phẩm của đề tài)

.....

.....

.....

.....

.....

**Dạng II:** Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); Đề án, quy hoạch; Luận chứng kinh tế-kỹ thuật; Báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
1	2	3	4

**Dạng III:** Bài báo; Sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác

Số TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú
1	2		3	4

**22.2 Trình độ khoa học của sản phẩm (Dạng II & III) so với các sản phẩm tương tự hiện có** (Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các yêu cầu khoa học cần đạt của các sản phẩm của đề tài)

.....

.....

.....

.....

.....				
.....				
<b>22.3 Kết quả tham gia đào tạo trên đại học</b>				
<b>Số TT</b>	<b>Cấp đào tạo</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Chuyên ngành đào tạo</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>22.4 Sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:</b>				
<b>23</b>	<b>Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu</b>			
<b>23.1 Khả năng về thị trường</b> (Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường?)				
.....				
.....				
.....				
<b>23.2 Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh</b> (Khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm)				
.....				
.....				
.....				
<b>23.3 Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu</b>				
.....				
.....				

**23.4 Mô tả phương thức chuyển giao**

*(Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn-với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu- theo tỷ lệ đã thoả thuận để cùng triển khai sản xuất; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra ....)*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**24 Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả của đề tài**

.....

.....

.....

.....

.....

**25 Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu**

**25.1 Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan**

*(Nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế)*

.....

.....

**25.2 Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu**

.....

.....

**25.3 Đối với kinh tế - xã hội và môi trường**

*(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường)*

.....

.....

**V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ**

(Giải trình chi tiết xin xem phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

26	Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi						
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
Trả công lao động (khoa học, phổ thông)			Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	Chi khác	
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>Tổng kinh phí</b> <i>Trong đó:</i>						
1	Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất*: - Năm thứ hai*: - Năm thứ ba*:						
2	Nguồn tự có của cơ quan						
3	Nguồn khác (vốn huy động, ...)						

(\*): chỉ dự toán khi đề tài đã được phê duyệt

Ngày..... tháng ..... năm 200....

Ngày ..... tháng ..... năm 200....

**Chủ nhiệm đề tài**  
(Họ, tên và chữ ký)

**Tổ chức chủ trì đề tài**  
(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

Phụ lục

**DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI**

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn																									
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Ngân sách SNKH							Khác																		
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất*	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai*	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ ba*	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Tự có	Khác	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14		
1	Trả công lao động (khoa học, phổ thông)																												
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng																												
3	Thiết bị, máy móc																												
4	Xây dựng, sửa chữa nhỏ																												
5	Chi khác																												
	Tổng cộng:																												

\* Chi dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo Thông tư số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN)

**GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI**  
(Triệu đồng)

**Khoản 1. Công lao động (khoa học, phổ thông)**

Nội dung lao động		Tổng số		Nguồn vốn																
		Mục chi	Tổng	Ngân sách SNKH																
TT	Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 17 của thuyết minh	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	Nội dung 1	- Sản phẩm 1	- Sản phẩm 2	Tổng cộng:	
																				Trong đó, khoản thứ nhất*

\* Chi dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo Thông tư số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN)





**Khoản 3. Thiết bị, máy móc**

TT	Nội dung	Mức chi	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn			Tự có	Khác
							SNKH				
						Tổng	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1	<i>Thiết bị hiện có tham gia thiết bị và giá trị còn lại, không công vào tổng kinh phí của Khoản 3)</i>										
1	2										
<i>I</i>	<i>Thiết bị hiện có tham gia</i>										
1	Mua thiết bị, công nghệ										
<i>II</i>	<i>Thiết bị mua mới</i>										
1	Mua thiết bị, công nghệ										
2	Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường										
<i>III</i>	<i>Khấu hao thiết bị</i> (chỉ khai mức này khi cơ quan chủ trì là doanh nghiệp)										

Đơn vị: triệu đồng



**Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ**

TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn				Tức có	Khác
			SNKH			Tức có		
			Tổng	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1	Chi phí xây dựng ..... m <sup>2</sup> nhà xưởng, PTN		4	5	6	7	8	
1	2	3					9	
2	Chi phí sửa chữa ..... m <sup>2</sup> nhà xưởng, PTN							
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước							
4	Chi phí khác							
	<b>Cộng:</b>							

*\* Chi dự toán khi đề tài được phê duyệt*

Đơn vị: triệu đồng

## Khóa 5. Chi khác

TT	Nội dung	Tổng số	
		Tổng số	Mục chi
1		2	3
1	Công tác trong nước (địa điểm, thời gian, số lượt người)		
2	Hợp tác quốc tế		
a	Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...)		
b	Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)		
3	Kinh phí quản lý (của cơ quan chủ trì)		
4	Chi phí danh giá, kiểm tra nội bộ, nghịem thu các cấp		
	- Chi phí kiểm tra nội bộ		
Nguồn vốn		Ngân sách SNKH	
	Tổng số	1	2
	Tổng số	3	4
	Tổng số	5	6
	Trong đó, khóa đo, chi theo quy định*	6	7
	Năm thứ nhất*	7	8
	Trong đó, khóa đo, chi theo quy định *	8	9
	Năm thứ hai*	9	10
	Trong đó, khóa đo, chi theo quy định *	10	11
	Năm thứ ba*	11	12
	Trong đó, khóa đo, chi theo quy định *	12	13
	Tự có	13	14
	Khác	14	



**Phụ lục 3.** Thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2012  
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

## THUYẾT MINH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP TỈNH

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

<b>1</b>	<b>Tên đề tài:</b>
<b>2</b>	<b>Mã số của đề tài:</b> <i>(được cấp khi hồ sơ trúng tuyển)</i>
<b>3</b>	<b>Loại đề tài:</b> - Đề tài thuộc Chương trình Khoa học xã hội và nhân văn <input type="checkbox"/> (ghi tên chương trình, mã số) - Đề tài độc lập <input type="checkbox"/>
<b>4</b>	<b>Thời gian thực hiện:</b> từ tháng /năm      đến tháng /năm
<b>5</b>	<b>Kinh phí thực hiện:</b> Ghi số lượng kinh phí: ..... (triệu đồng), trong đó: - Nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học: - Nguồn khác:
<b>6</b>	<b>Chủ nhiệm đề tài:</b> Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam/ Nữ: ..... Học hàm, học vị: ..... Chức danh khoa học: ..... Chức vụ:..... Điện thoại của tổ chức: ..... Nhà riêng: ..... Mobile: ..... Fax: ..... E-mail: ..... Tên tổ chức đang công tác:..... Địa chỉ tổ chức:..... Địa chỉ nhà riêng: .....
<b>7</b>	<b>Thư ký đề tài:</b> Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam/ Nữ: .....

Học hàm, học vị: .....

Chức danh khoa học: ..... Chức vụ: .....

Điện thoại của tổ chức: ..... Nhà riêng: ..... Mobile: .....

Fax: ..... E-mail: .....

Tên tổ chức đang công tác: .....

Địa chỉ tổ chức: .....

.....

Địa chỉ nhà riêng: .....

**8 | Tổ chức chủ trì đề tài <sup>2</sup>:**

Tên tổ chức chủ trì đề tài: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

E-mail: .....

Website: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Số tài khoản: .....

Ngân hàng: .....

Cơ quan chủ quản đề tài: .....

**9 | Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài: (nếu có)**

1. **Tổ chức 1** : .....

Cơ quan chủ quản .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Số tài khoản: .....

Ngân hàng: .....

2. **Tổ chức 2** : .....

Cơ quan chủ quản .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Địa chỉ: .....

<sup>2</sup> Tổ chức chủ trì đăng ký chủ trì đề tài là tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề tài

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Số tài khoản: .....

Ngân hàng: .....

3. ....

**10 Các cán bộ thực hiện đề tài:**

*(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề tài)*

TT	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho đề tài (Số tháng quy đổi <sup>3</sup> )
1				
2				
...				
9				

**II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI****11 Mục tiêu của đề tài:** *(phát triển và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)*

.....

.....

.....

.....

**12 Tình trạng đề tài:**

- Mới       Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả
- Kế tiếp nghiên cứu của người khác

**13 Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài:**

<sup>3</sup> Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng

**13.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài**

(Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình nghiên cứu trong có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài)

.....

.....

.....

**13.2 Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài**

(Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hoá mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề tài)

.....

.....

.....

**14 Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:**

(tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn)

.....

.....

.....

**15 Nội dung nghiên cứu của đề tài:**

(xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logic, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra; ghi rõ các chuyên đề nghiên cứu cần thực hiện trong từng nội dung)

Nội dung 1: .....

.....

.....

Nội dung 2: .....

.....

.....

Nội dung 3:.....

.....

.....

**16 Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề tài:**

(giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài)

- Sưu tầm/ dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính)

- Hội thảo/ tọa đàm khoa học (số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu)
- Khảo sát/ điều tra thực tế trong nước (quy mô, địa bàn, mục đích/ yêu cầu, nội dung, phương pháp)
- .....

**17 Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:**

*(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)*

**Cách tiếp cận:**.....

.....

.....

**Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:** .....

.....

.....

**18 Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước:**

*[Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài (kể cả tổ chức sử dụng kết quả nghiên cứu) và nội dung công việc tham gia trong đề tài; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính - nếu có]*

.....

.....

.....

**19 Phương án hợp tác quốc tế: (nếu có)**

*(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác - đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)*

.....

.....

.....

**20 Kế hoạch thực hiện:**

	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện*	Dự kiến kinh phí
<b>1</b>	<b>Nội dung 1</b>				
	- Công việc 1				

	- Công việc 2				
	.....				
2	<b>Nội dung 2</b>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
	.....				

\* Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 10

### III. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ TÀI

<b>21</b>	<b>Sản phẩm chính của Đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt:</b> (liệt kê theo dạng sản phẩm)			
<b>21.1 Dạng I:</b> Báo cáo khoa học (báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); kết quả dự báo; mô hình; quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác.				
<b>TT</b>	<b>Tên sản phẩm</b> (ghi rõ tên từng sản phẩm)	<b>Yêu cầu khoa học cần đạt</b>		<b>Ghi chú</b>
<b>21.2 Dạng II:</b> Bài báo; sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác				
<b>Số TT</b>	<b>Tên sản phẩm</b> (ghi rõ tên từng sản phẩm)	<b>Yêu cầu khoa học cần đạt</b>	<b>Dự kiến nơi công bố</b> (Tạp chí, Nhà xuất bản)	<b>Ghi chú</b>
<b>22</b>	<b>Lợi ích của đề tài và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:</b>			
<b>22.1 Lợi ích của đề tài:</b>				
a) Tác động đến xã hội (đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội) và tác động đối với ngành, lĩnh vực khoa học (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới thông qua các công trình công bố ở trong hoặc ngoài nước)				
.....				
.....				

b) Nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài, đào tạo đại học, trên đại học (số người được đào tạo, chuyên ngành đào tạo)

.....

.....

#### 22.2 Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:

(Nêu rõ tên kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/ tổ chức ứng dụng; tính khả thi của phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu)

.....

.....

#### IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết xin xem phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

23	Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi:						
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
Trả công lao động (khoa học, phổ thông)			Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	Chi khác	
	<b>Tổng kinh phí</b> <i>Trong đó:</i>						
1	Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất*: - Năm thứ hai*: .....						
2	Nguồn khác (vốn huy động, ...)						

(\*): chỉ dự toán khi đề tài đã được phê duyệt

Ngày.....tháng ..... năm 200...

Ngày.....tháng ..... năm 200...

**Chủ nhiệm đề tài**  
(Họ tên và chữ ký)

**Tổ chức chủ trì đề tài**  
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

**Phụ lục TMBT  
DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI**

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn												
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Ngân sách SNKH												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	Khác			
													Trong đó, khoản chi thứ ba*	Trong đó, khoản chi theo quy định*		
1	Trả công lao động (khoa học, phổ thông)															
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng															
3	Thiết bị, máy móc															
4	Xây dựng, sửa chữa nhà															
5	Chi khác															
	Tổng cộng:															

\* Chi dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo Thông tư số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCHN ngày 4/10/2006)





## Khoản 3. Thiết bị, máy móc

TT	Nội dung	Mục chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn				Khác
							SNKH				
						Tổng	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
<i>I</i>	<i>Thiết bị hiện có tham gia thực hiện đề tài</i> (chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không công vào tổng kinh phí của Khoản 3)										
<i>II</i>	<i>Thiết bị mua mới</i>										
<i>III</i>	<i>Thuế thiết bị</i> (ghi tên thiết bị, thời gian thuế)										
Cộng:											

\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt

Đơn vị: triệu đồng







## Phụ lục 4. Thuyết minh dự án SXTN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2012 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

## THUYẾT MINH DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM<sup>1</sup>

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

<b>1</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>2</b>	<b>Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):</b>	
<b>3</b>	<b>Thời gian thực hiện: ..... tháng</b> (Từ tháng ...../200.... đến tháng ...../200....)	<b>4</b>	<b>Cấp quản lý</b>	
		Nhà nước <input type="checkbox"/> Bộ <input type="checkbox"/> Cơ sở <input type="checkbox"/> Tỉnh <input type="checkbox"/>		
<b>5</b>	<input type="checkbox"/> Thuộc Chương trình (ghi rõ tên chương trình, nếu có) <input type="checkbox"/> Thuộc dự án KH&CN <input type="checkbox"/> Dự án độc lập			
<b>6</b>	<b>Tổng vốn thực hiện dự án: ..... triệu đồng, trong đó:</b>			
Nguồn		<b>Kinh phí (triệu đồng)</b>		
- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học				
- Vốn tự có của tổ chức chủ trì				
- Khác (liên doanh...)				
<b>7</b>	<b>Kinh phí thu hồi ..... triệu đồng</b> (bằng..... % kinh phí hỗ trợ từ ngân sách SNKH)			
<b>Đợt 1:</b> ..... triệu đồng sau khi kết thúc ..... tháng,				
<b>Đợt 2:</b> ..... triệu đồng sau khi kết thúc ..... tháng				
<b>8</b>	<b>Chủ nhiệm dự án</b>			
Họ và tên:.....				
Năm sinh: ..... Nam/Nữ: .....				
Học hàm: ..... Học vị: .....				
Chức danh khoa học: ..... Chức vụ: .....				
Điện thoại: Tổ chức: ..... Nhà riêng: ..... Mobile: .....				
Fax: ..... E-mail: .....				
Tên tổ chức đang công tác: .....				
Địa chỉ tổ chức: .....				
Địa chỉ nhà riêng: .....				

<sup>1</sup> Thuyết minh được trình bày và in ra trên khổ giấy A4. Dưới đây Dự án sản xuất thử nghiệm được gọi tắt là Dự án

<b>8b</b>	<b>Thư ký dự án</b>
Họ và tên:..... Năm sinh: ..... Nam/Nữ: ..... Học hàm: ..... Học vị: ..... Chức danh khoa học: ..... Chức vụ: ..... Điện thoại: Tổ chức: ..... Nhà riêng: ..... Mobile: ..... Fax: ..... E-mail: ..... Tên tổ chức đang công tác: ..... Địa chỉ tổ chức: ..... Địa chỉ nhà riêng: .....	
<b>9</b>	<b>Tổ chức chủ trì thực hiện dự án</b>
Tên tổ chức chủ trì dự án: ..... Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: ..... Website: ..... Địa chỉ: ..... Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ..... Số tài khoản: ..... <b>Kho bạc Nhà nước/</b> Ngân hàng: ..... Tên cơ quan chủ quản dự án: .....	
<b>10</b>	<b>Tổ chức tham gia chính</b>
<b>10.1. Tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ</b> Tên tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ: ..... ..... Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: ..... Website: ..... Địa chỉ: ..... Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ..... Người chịu trách nhiệm chính về công nghệ của dự án: ..... .....	

**10.2. Tổ chức khác**

Tên tổ chức: .....

.....

Điện thoại: ..... Fax: .....

E-mail: .....

Website: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

**11 Cán bộ thực hiện dự án**

(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm dự án - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học)

	Họ và tên	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho dự án (Số tháng quy đổi <sup>2</sup> )
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

**12 Xuất xứ**

[Ghi rõ xuất xứ của dự án từ một trong các nguồn sau:

- Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá nghiệm thu, kiến nghị (*tên đề tài, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước (nếu có), mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/ Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền*)

- Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ (*tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp*)

- Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (*hợp đồng chuyển giao công nghệ; tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan*)

.....  
 .....  
 .....  
 .....

<sup>2</sup> Một (01) tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc x 8 tiếng

**13 | Luận cứ về tính cấp thiết, khả thi và hiệu quả của dự án**

**13.1. Làm rõ về công nghệ lựa chọn của dự án** (Tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ; trình độ công nghệ so với công nghệ hiện có ở Việt Nam, khả năng triển khai công nghệ trong nước, tính phù hợp của công nghệ đối với phương án sản xuất và yêu cầu của thị trường,...).

**13.2. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm dự án** (Hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả của dự án; khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu: nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp, tính ưu việt của công nghệ...).

**13.3. Tác động của kết quả dự án đến kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng** (Tác động của sản phẩm dự án đến phát triển KT-XH, môi trường, khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đảm bảo an ninh, quốc phòng...).

**13.4. Năng lực thực hiện dự án** (Mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong dự án: năng lực khoa học, công nghệ của người thực hiện và cơ sở vật chất - kỹ thuật, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro)

**13.5. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án** (Nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao công nghệ; thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất - kinh doanh,...).

**I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN**

<b>14</b>	<b>Mục tiêu</b>	<p><b>14.1 Mục tiêu của dự án sản xuất<sup>3</sup> hoặc chuyển giao công nghệ đặt ra</b> (Chất lượng sản phẩm; quy mô sản xuất);</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p><b>14.2 Mục tiêu của dự án sản xuất thử nghiệm</b> (Trình độ công nghệ, quy mô sản phẩm)</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<b>15</b>	<b>Nội dung</b>	<p><b>15.1 Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của dự án) để triển khai trong dự án</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p><b>15.2 Phân tích những vấn đề mà dự án cần giải quyết về công nghệ</b> (Hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới; nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô của dự án sản xuất thử nghiệm);</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p><b>15.3 Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm.</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

<sup>3</sup> Dự án sản xuất là phương án triển khai sau khi Dự án sản xuất thử nghiệm kết thúc.







### III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

Tổng kinh phí cần thiết để triển khai dự án sản xuất thử nghiệm = Vốn cố định của dự án sản xuất + Giá trị còn lại của thiết bị và nhà xưởng đã có + Kinh phí hỗ trợ công nghệ + Vốn lưu động.

\* **Vốn cố định của dự án sản xuất gồm:** (i)Thiết bị, máy móc đã có (giá trị còn lại); (ii)Thiết bị, máy móc mua mới; (iii)Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại); (iv)Nhà xưởng xây mới hoặc cải tạo.

\* **Vốn lưu động:** chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo.

\* **Kinh phí hỗ trợ công nghệ:** chi phí hoàn thiện, ổn định các thông số kinh tế-kỹ thuật.

**Bảng 1. Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai dự án**

Đơn vị: triệu đồng

	Nguồn vốn	Tổng cộng	Trong đó							
			Vốn cố định		Kinh phí hỗ trợ công nghệ	Vốn lưu động				
			Thiết bị, máy móc mua mới	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo		Chi phí lao động	Nguyên vật liệu, năng lượng	Thuê thiết bị, nhà xưởng	Khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	<b>Ngân sách SNKH:</b> - Năm thứ nhất*: - Năm thứ hai*: - Năm thứ ba*:									
2	<b>Các nguồn vốn khác</b> - Vốn tự có của cơ sở - Khác (vốn huy động, ...)									
	<b>Cộng:</b>									

\* Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt

**Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm**  
(Trong thời gian thực hiện dự án)

1	Nội dung	Tổng số chi phí (1000 đ)	Trong đó theo sản phẩm			Ghi chú
			4	5	6	
2		3				7
<b>A</b>	<b>Chi phí trực tiếp</b>					
1	Nguyên vật liệu, bao bì					
2	Điện, nước, xăng dầu					
3	Chi phí lao động					
4	Sửa chữa, bảo trì thiết bị					
5	Chi phí quản lý					
<b>B</b>	<b>Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định</b>					
6	Khấu hao thiết bị cho dự án - Khấu hao thiết bị cũ - Khấu hao thiết bị mới					
7	Khấu hao nhà xưởng cho dự án - Khấu hao nhà xưởng cũ - Khấu hao nhà xưởng mới					
8	Thuê thiết bị					
9	Thuê nhà xưởng					
10	Phân bổ chi phí hỗ trợ công nghệ					
11	Tiếp thị, quảng cáo					
12	Khác (trả lãi vay, các loại phí,...)					
- Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A+B):						
- Giá thành 1 đơn vị sản phẩm:						

**Ghi chú:**

- *Khấu hao thiết bị và tài sản cố định:* tính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.

- *Chi phí hỗ trợ công nghệ:* được phân bổ cho thời gian thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm và 01 năm đầu sản xuất ổn định (tối đa không quá 3 năm).

**Bảng 3. Tổng doanh thu**  
(Cho thời gian thực hiện dự án)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Giá bán dự kiến (1000 đ)	Thành tiền (1000 đ)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
<b>Cộng:</b>					

**Bảng 4. Tổng doanh thu**  
(Cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (1000 đ)	Thành tiền (1000 đ)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
<b>Cộng:</b>					

**Bảng 5. Tính toán hiệu quả kinh tế dự án (cho 1 năm đạt 100% công suất)**

TT	Nội dung	Thành tiền (1000 đ)
1	2	3
1	Tổng vốn đầu tư cho dự án	
2	Tổng chi phí, trong một năm	
3	Tổng doanh thu, trong một năm	
4	Lãi gộp (3) - (2)	
5	Lãi ròng : (4) - (thuế + lãi vay+ các loại phí)	
6	Khấu hao thiết bị, XD/CB và chi phí hỗ trợ công nghệ trong 1 năm	
7	Thời gian thu hồi vốn T (năm, ước tính)	
8	Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư, % (ước tính)	
9	Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu, % (ước tính)	

**Chú thích:**

- Tổng vốn đầu tư bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá trị của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) + chi phí hỗ trợ công nghệ;

- Thuế: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác nếu có, trong 1 năm;

- Lãi vay: là các khoản lãi vay phải trả trong 1 năm.

$$\text{Thời gian thu hồi vốn } T = \frac{\text{Tổng vốn Đầu tư}}{\text{Lãi ròng} + \text{Khấu hao}} = \text{..... năm}$$

$$\text{Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư} = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng vốn Đầu tư}} \times 100 = \text{..... \%};$$

$$\text{Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu} = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng doanh thu}} \times 100 = \text{..... \%};$$

**18 Hiệu quả kinh tế - xã hội**

(Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường....)

.....

.....

.....

.....

.....

**IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng ..... năm 200....

**Chủ nhiệm dự án**  
(Họ, tên và chữ ký)

Ngày ..... tháng ..... năm 200....

**Tổ chức chủ trì dự án**  
(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)



**NHŨ CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU**  
(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

Nguồn vốn		Ngân sách SNKH										Cộng:								
T	Mục	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tổng số	Trong đó, thủ nhất*	Năm 10	Trong đó, thủ nhất*	Trong đó, thủ hai*	Năm 12	Trong đó, thủ ba*	Năm 14	Trong đó, thủ ba*	Năm 15	Trong đó, thủ ba*	16	17	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17				
		Nguyên, vật liệu chủ yếu																		
		Nguyên, vật liệu phụ																		
		Dùng cũ, phụ tùng, vật rẻ tiền, mau hỏng																		

\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo Thông tư số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN)





Phụ lục 3b.

## YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

## B. Thiết bị mới bỏ sung, thuê thiết bị

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn				Tự có	Khác	
							Ngân sách SNKH						
							Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*			
1		Mua thiết bị công nghệ											
2		Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường											
3		Mua bảng sáng chế, bản quyền											
4		Mua phần mềm máy tính											
5		Vận chuyển lắp đặt											
6		Thuê thiết bị (nếu các thiết bị cần thuê, giá thuê và chi ghi vào cột 7 để tính vốn lưu động)											
<b>Cộng:</b>													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	

Chú ý: Ngân sách Nhà nước chi hỗ trợ mua nguyên chiếc thiết bị, máy móc  
\* Chi dự toán khi dự án được phê duyệt

## CHI PHÍ HỒ TRỢ CÔNG NGHỆ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mức chi	Nội dung	Chi phí	Ngân sách SNKH			Tỷ có	Khác	
				Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*			Năm thứ ba*
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A		Chi phí hỗ trợ các hàng mục công nghệ (kể cả công nghệ nhập)							
1		- Hoàn thiện, nâng vũng và làm chủ quy trình công nghệ							
2		- Hoàn thiện các thông số về kỹ thuật							
3		- Ôn định các thông số và chất lượng nguyên vật liệu đầu vào							
4		- Ôn định chất lượng sản phẩm; về khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm							
5		.....							
B		Chi phí đào tạo công nghệ							
1		- Cán bộ công nghệ							
2		- Công nhân vận hành							
3		.....							
		Công							

\* Chi dự toán khi dự án được phê duyệt



## Phụ lục 6

**CHI PHÍ LAO ĐỘNG**  
 (Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

*Đơn vị: triệu đồng*

TT	Mục chi	Nội dung	Số người	Số tháng	Chi phí tr. đ/ người/ tháng	Thành tiền	Nguồn vốn				Tự có	Khác	
							Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*			
1		Chu nhiệm dự án											
2		Kỹ sư											
3		Nhân viên kỹ thuật											
4		Công nhân											
		<b>Cộng</b>											
1	1	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	









**Phụ lục 5. Thuyết minh dự án KHCN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2012  
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

**THUYẾT MINH DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ****I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN****1. Tên Dự án:**

.....

**2. Mã số:****3. Cấp quản lý:****4. Thời gian thực hiện:** ..... tháng, từ tháng .... /200.. đến tháng .... /200..**5. Dự kiến kinh phí thực hiện:** ..... triệu đồng

Trong đó, - Ngân sách SNKH: ..... triệu đồng

- Nguồn khác: ..... triệu đồng

**6. Tổ chức chủ trì thực hiện dự án:**

Tên tổ chức: .....

.....

Địa chỉ:.....Điện thoại:.....

Fax:.....Email:.....

**7. Chủ nhiệm dự án**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:..... Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....Điện thoại:.....

Email:.....CQ:.....NR:.....Mobile:.....

**8. Cơ quan và cá nhân phối hợp thực hiện:**

Tên cơ quan:.....

Địa chỉ:.....Điện thoại:.....

**9. Tính cấp thiết của dự án:**

Nêu tóm tắt về : - Điều kiện tự nhiên, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng;

- Chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng;

Trên cơ sở đó lựa chọn và phân tích tính phù hợp của dự án đối với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng trong tương lai.

**10. Tính mới và thích hợp của quy trình công nghệ được áp dụng:**

*Nêu những thông tin cơ bản, mới nhất về các quy trình công nghệ đang được áp dụng tại địa phương trong lĩnh vực dự án dự kiến triển khai;*

*Đặc điểm và xuất xứ của quy trình công nghệ dự kiến áp dụng.*

*Nêu tính mới của quy trình công nghệ dự kiến áp dụng so với các công nghệ đang áp dụng tại địa phương.*

*Nêu tính thích hợp của quy trình công nghệ dự kiến áp dụng*

## II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

### 11. Mục tiêu:

10.1. Mục tiêu chung:

10.2. Mục tiêu cụ thể:

**12. Nội dung** (nêu những nội dung và các bước công việc cụ thể mà dự án cần triển khai thực hiện để đạt được mục tiêu):

- Mô tả quy trình công nghệ được áp dụng;
- Những vấn đề trọng tâm mà dự án cần giải quyết (xây dựng mô hình, ứng dụng công nghệ tạo sản phẩm mới, hoàn thiện quy trình...)
- Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tại địa phương, tập huấn cán bộ kỹ thuật và nông dân.

### 13. Giải pháp thực hiện:

- Giải pháp về mặt bằng và XD/CB (nếu có).
- Giải pháp về đào tạo
- Giải pháp về tổ chức sản xuất
- Giải pháp về thị trường tiêu thụ sản phẩm
- Giải pháp về nguồn vốn

Phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện dự án trên cơ sở:

Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai dự án, trong đó nêu rõ vốn từ NS sự nghiệp KH&CN tỉnh, NSSF KH&CN địa phương, nguồn vốn khác (có văn bản pháp lý kèm theo).

### 14. Tiến độ thực hiện

TT	Các nội dung, công việc thực hiện chủ yếu	Sản phẩm phải đạt	Thời gian (BĐ-KT)	Người, cơ quan thực hiện
1	2	3	4	5

### 15. Sản phẩm của dự án:

15.1. Nêu sản phẩm cụ thể của dự án :

TT	Tên sản phẩm	Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật	Chú thích
1	2	3	4
1			
2	.....		

15.2. Phương án phát triển sau khi kết thúc dự án

**16. Kinh phí thực hiện dự án phân theo các khoản chi:**

TT	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
			Thuê khoán chuyên môn và đào tạo	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng cơ bản	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>Tổng kinh phí</b>						
	<b>Trong đó:</b>						
1	Ngân sách SNKH &CN tỉnh						
2	Ngân sách SNKH &CN địa phương						
3	Các nguồn vốn khác						
	- Tự có						
	- Khác (vốn huy động, ...)						

**17. Hiệu quả kinh tế - xã hội:**

17.1. Hiệu quả kinh tế - xã hội trực tiếp của dự án:

- Hiệu quả kinh tế: ước tính được bằng số lượng, hoặc bằng tiền;
- Hiệu quả về xã hội.

17.2. Dự kiến hiệu quả kinh tế - xã hội theo khả năng mở rộng của dự án.

Ngày....tháng....năm 200...

**Chủ nhiệm dự án**

(Họ và tên, chữ ký)

Ngày....tháng....năm 200...

**Tổ chức chủ trì dự án**

(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)



**KHOẢN 3. THIẾT BỊ, MÁY MÓC CHUYÊN DỤNG**

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn			
						NS Tỉnh	NS ĐF	Tự có	Khác
3.1	Mua thiết bị công nghệ								
<b>CỘNG</b>									

**KHOẢN 4. XÂY DỰNG CƠ BẢN**

TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn		
			NSNN	Tự có	Khác
4.1	Chi phí xây dựng m <sup>2</sup> nhà xưởng, phòng nhân giống, nhà kính, nhà lưới, vườn ươm.				
4.2	Chi phí sửa chữa m <sup>2</sup> nhà xưởng,				
4.3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện, hệ thống nước				
<b>Cộng</b>					

**KHOẢN 5. CÔNG LAO ĐỘNG**

TT	Nội dung	Số lượng (người)	Số Công (công)	Đơn giá (triệu đồng)	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn		
						NSNN	Tự có	Khác
1	Kỹ sư							
1.1	Kỹ sư chỉ đạo .....							
1.2	.....							
2	Kỹ thuật viên							
2.1	Kỹ thuật viên chỉ đạo và thực hiện công đoạn .....							
2.2	Kỹ thuật viên chỉ đạo và thực hiện công đoạn .....							
2.3	.....							
3	Lao động đơn giản							
3.1	Lao động đơn giản thực hiện công đoạn .....							
3.2	Lao động đơn giản thực hiện công đoạn .....							
3.3	.....							
	<b>Cộng</b>							

**KHOẢN 6. CHI KHÁC**

TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn		
			NSNN	Tự có	Khác
5.1	<i>Công tác phí</i>				
5.2	<i>Quản lý cơ sở</i>				
5.3	<i>Chi phí đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu</i>				
	- Chi phí kiểm tra, nghiệm thu trung gian				
	- Chi phí nghiệm thu nội bộ				
	- Chi phí nghiệm thu chính thức				
5.4	<i>Chi khác</i>				
	- Thông tin, tuyên truyền				
	- Tiếp thị, quảng cáo				
	- Hội thảo				
	- Hội nghị				
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm				
	.....				
	<b>CỘNG</b>				

**Phụ lục 6. Thuyết minh dự án NTMN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2012 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

**THUYẾT MINH DỰ ÁN NÔNG THÔN VÀ MIỀN NÚI****I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN****1. Tên Dự án:**

.....

**2. Mã số:****3. Cấp quản lý:****4. Thời gian thực hiện:** ..... tháng, từ tháng .... /200. . đến tháng .... /200. .**5. Dự kiến kinh phí thực hiện:** ..... triệu đồng

Trong đó, - Ngân sách SNKH: ..... triệu đồng

- Nguồn khác: ..... triệu đồng

**6. Tổ chức chủ trì thực hiện dự án:**

Tên tổ chức: .....

.....

Địa chỉ:.....Điện thoại:.....

Fax:.....Email:.....

**7. Chủ nhiệm dự án**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:..... Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....Điện thoại:.....

Email:.....CQ:.....NR:.....Mobile:.....

**8. Cơ quan chủ trì chuyển giao công nghệ:**

Tên cơ quan:.....

Địa chỉ:.....Điện thoại:.....

**9. Tính cấp thiết của dự án:**

Nêu tóm tắt về : - Điều kiện tự nhiên, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng;

- Chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng;

Trên cơ sở đó lựa chọn và phân tích tính phù hợp của dự án đối với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hộicủa tỉnh hoặc vùng trong tương lai.

**10. Tính tiên tiến và thích hợp của công nghệ được chuyển giao:**

- Nêu những thông tin cơ bản, mới nhất về các công nghệ đang được áp dụng tại địa phương trong lĩnh vực dự án dự kiến triển khai;

- Đặc điểm và xuất xứ của công nghệ dự kiến áp dụng.

- *Nêu tính tiên tiến của công nghệ dự kiến áp dụng so với các công nghệ đang áp dụng tại địa phương.*

- *Nêu tính thích hợp của công nghệ dự kiến áp dụng.*

## II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

### 11. Mục tiêu:

10.1. Mục tiêu chung:

10.2. Mục tiêu cụ thể:

**12. Nội dung** (*nêu những nội dung và các bước công việc cụ thể mà dự án cần triển khai thực hiện để đạt được mục tiêu*):

- Mô tả công nghệ chuyển giao;
- Những vấn đề trọng tâm mà dự án cần giải quyết (xây dựng mô hình, ứng dụng công nghệ tạo sản phẩm mới ...)
- Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tại địa phương, tập huấn cán bộ kỹ thuật và nông dân.

### 13. Giải pháp thực hiện:

- Giải pháp về mặt bằng và XD/CB (nếu có).
- Giải pháp về đào tạo
- Giải pháp về tổ chức sản xuất
- Giải pháp về thị trường tiêu thụ sản phẩm
- Giải pháp về nguồn vốn

Phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện dự án trên cơ sở:

Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai dự án, trong đó nêu rõ vốn từ NS sự nghiệp KH&CN tỉnh, NSSF KH&CN địa phương, nguồn vốn khác (có văn bản pháp lý kèm theo).

### 14. Tiến độ thực hiện:

TT	Các nội dung, công việc thực hiện chủ yếu	Sản phẩm phải đạt	Thời gian (BĐ-KT)	Người, cơ quan thực hiện
1	2	3	4	5

### 15. Sản phẩm của dự án:

15.1. Nêu sản phẩm cụ thể của dự án:

TT	Tên sản phẩm	Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật	Chú thích
1	2	3	4
1			
2	.....		

15.2. Phương án phát triển sau khi kết thúc dự án

**16. Kinh phí thực hiện dự án phân theo các khoản chi:**

TT	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
			Thuê khoán chuyên môn và đào tạo	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng cơ bản	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>Tổng kinh phí</b>						
	<b>Trong đó:</b>						
1	Ngân sách SNKH &CN tỉnh						
2	Ngân sách SNKH &CN địa phương						
3	Các nguồn vốn khác						
	- Tự có						
	- Khác (vốn huy động, ...)						

**17. Hiệu quả kinh tế - xã hội:**

17.1. Hiệu quả kinh tế - xã hội trực tiếp của dự án:

- Hiệu quả kinh tế: ước tính được bằng số lượng, hoặc bằng tiền;
- Hiệu quả về xã hội.

17.2. Dự kiến hiệu quả kinh tế - xã hội theo khả năng mở rộng của dự án.

Ngày....tháng....năm 200...

**Chủ nhiệm dự án**

(Họ và tên, chữ ký)

Ngày....tháng....năm 200...

**Tổ chức chủ trì dự án**

(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)





**KHOẢN 5. CÔNG LAO ĐỘNG**

TT	Nội dung	Số lượng (người)	Số Công (công)	Đơn giá (triệu đồng)	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn		
						NSNN	Tự có	Khác
1	Kỹ sư							
1.1	Kỹ sư chỉ đạo .....							
1.2	.....							
2	Kỹ thuật viên							
2.1	Kỹ thuật viên chỉ đạo và thực hiện công đoạn .....							
2.2	Kỹ thuật viên chỉ đạo và thực hiện công đoạn .....							
2.3	.....							
3	Lao động đơn giản							
3.1	Lao động đơn giản thực hiện công đoạn .....							
3.2	Lao động đơn giản thực hiện công đoạn .....							
3.3	.....							
	<b>Cộng</b>							

**KHOẢN 6. CHI KHÁC**

TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn		
			NSNN	Tự có	Khác
5.1	<i>Công tác phí</i>				
5.2	<i>Quản lý cơ sở</i>				
5.3	<i>Chi phí đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu</i>				
	- Chi phí kiểm tra, nghiệm thu trung gian				
	- Chi phí nghiệm thu nội bộ				
	- Chi phí nghiệm thu chính thức				
5.4	<i>Chi khác</i>				
	- Thông tin, tuyên truyền				
	- Tiếp thị, quảng cáo				
	- Hội thảo				
	- Hội nghị				
	- Ăn lát tài liệu, văn phòng phẩm				
	.....				
	<b>CỘNG</b>				

**Phụ lục 7. Tóm tắt hoạt động KHCN của tổ chức đăng ký chủ trì đề tài, dự án**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2012  
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

## TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

<b>1. Tên tổ chức</b>		
Năm thành lập:		
Địa chỉ:		
Điện thoại:		Fax:
Email:		
<b>2. Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động KH&amp;CN hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn</b>		
<b>3. Tổng số cán bộ có trình độ đại học trở lên của tổ chức</b>		
TT	Cán bộ có trình độ đại học trở lên	Tổng số
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	

<b>4. Số cán bộ nghiên cứu của tổ chức trực tiếp tham gia đề tài, dự án tuyển chọn</b>		
TT	Cán bộ có trình độ đại học trở lên	Số trực tiếp tham gia thực hiện đề tài, dự án
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	

**5. Kinh nghiệm và thành tựu KH&CN trong 5 năm gần nhất liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn của các cán bộ trong tổ chức trực tiếp tham gia đề tài, dự án đã kê khai ở mục 4 trên đây** (Nêu lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm, số năm kinh nghiệm, tên các đề tài/dự án đã chủ trì hoặc tham gia, những công trình đã áp dụng vào sản xuất và đời sống, thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác, ...)

**6. Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn:**

- Nhà xưởng:

- Trang thiết bị chủ yếu\*:

**7. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài NS SNKH) cho việc thực hiện đề tài, dự án đăng ký tuyển chọn**

- Vốn tự có: ..... triệu đồng (văn bản chứng minh kèm theo).
- Nguồn vốn khác: ..... triệu đồng (văn bản chứng minh kèm theo).

....., ngày ..... tháng ..... năm 200...

THỦ TRƯỞNG

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**

(Họ, tên và chữ ký của người lãnh đạo tổ chức, đóng dấu)



<b>12. Các công trình công bố chủ yếu</b> (liệt kê tối đa 05 công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn trong 5 năm gần nhất)				
TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí đã đăng công trình)	Năm công bố
1				
2				
<b>13. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp</b> (liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)				
TT	Tên và nội dung văn bằng		Năm cấp văn bằng	
1				
2				
<b>14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn</b> (liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)				
TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	
1				
2				

<b>15. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia</b> (trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)			
<i>Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì</i>	<i>Thời gian (bắt đầu - kết thúc)</i>	<i>Thuộc Chương trình (nếu có)</i>	<i>Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)</i>
<i>Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia</i>	<i>Thời gian (bắt đầu - kết thúc)</i>	<i>Thuộc Chương trình (nếu có)</i>	<i>Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)</i>
<b>16. Giải thưởng</b> (về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)			
TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng	
<b>17. Thành tựu hoạt động KH&amp;CN và sản xuất kinh doanh khác</b> (liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)			

....., ngày ..... tháng ..... năm 200...

**TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) ĐỀ TÀI, DỰ ÁN<sup>1</sup>**  
(Xác nhận và đóng dấu)

**CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**  
(Họ, tên và chữ ký)

Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông, Bà ... chủ trì (tham gia) thực hiện đề tài, dự án

<sup>1</sup> Nhà khoa học không thuộc tổ chức KH&CN nào thì không cần làm thủ tục xác nhận này.

**Phụ lục 9.** Giấy xác nhận phối hợp thực hiện đề tài, dự án

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2012 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN PHỐI HỢP THỰC HIỆN<sup>1</sup>**  
**ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP TỈNH**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế

**1. Tên đề tài, dự án đăng ký tuyển chọn, xét chọn:**

.....  
.....

Thuộc Chương trình KH&CN (nếu có):

.....

Mã số của Chương trình: .....

***Thuộc lĩnh vực KH&CN:***

.....

**2. Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì đề tài, dự án**

- Tên tổ chức đăng ký chủ trì đề tài, dự án

.....

.....

- Họ và tên, học vị, chức vụ của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài, dự án

.....

<sup>1</sup> Giấy xác nhận được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

**3. Tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện đề tài, dự án**

- Tên tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện đề tài, dự án

Địa chỉ:

Điện thoại:

Nội dung công việc tham gia trong đề tài (*và kinh phí tương ứng*) của tổ chức phối hợp nghiên cứu đã được thể hiện trong bản Thuyết minh đề tài, dự án của Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn gửi Sở Khoa học và Công nghệ.

Khi Hồ sơ trúng tuyển, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của đề tài, dự án.

....., ngày tháng năm 200...

**CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM  
ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**  
(Họ và tên, chữ ký)

**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ  
ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**  
(Họ và tên, chữ ký và đóng dấu)

**CÁ NHÂN THAM GIA PHỐI HỢP  
ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**  
(Họ và tên, chữ ký)

**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP  
THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**  
(Họ và tên, chữ ký và đóng dấu)